

Số 07/KH-MGND

Nam Dong, Ngày 28 tháng 8 năm 2025

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC KHÔI MÀM
NĂM HỌC 2025-2026

Căn cứ thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của BGDDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 23/2010/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Bộ giáo dục và đào tạo ban hành quy định về bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi.

Căn cứ Quyết định số 748/QĐ-UBND ngày 15 tháng 08 năm 2025 Của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về Quyết định ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2025 - 2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh

Công văn hướng dẫn số 697 ngày 05/09/2025 của Sở GD&ĐT Lâm Đồng về Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non năm học 2025-2026.

Công văn số 64/VHHXH-GD ngày 09/09/2025 của Phòng văn hoá xã hội xã Nam Dong về việc triển khai hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học mầm non năm học 2025-2026.

Thực hiện kế hoạch số 15/KH-MGND ngày 10 tháng 09 năm 2025 của trường mẫu giáo Nam Dong về kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026.

Căn cứ vào đặc điểm tình hình thực tế của khối mầm, bộ phận chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2025-2026 như sau:

MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC NĂM HỌC

Stt MT	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		
A. Phát triển vận động		
1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.		
01	Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	- Hô hấp: Hít vào thở ra - Tay - Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên. + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. - Lưng, bụng, lườn:

		+ Cúi về phía trước. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải - Chân: + Bước lên phía trước, Bước lên phía trước, bước dang ngang; Ngồi xổm, đứng lên, bắt tại chỗ + Co duỗi chân
2. Thể hiện kĩ năng vận động Cơ bản và các tổ chất trong vận động.		
02	- Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động.	+ Đi trong đường hẹp + Đi kiễng gót + Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát
03	- Kiểm soát được vận động	+ Đi chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Đi, chạy thay đổi hướng theo đường đích đặt.
04	- Phối hợp tay - mắt trong vận động	+ Lăn, đập, tung bắt bóng với cô + Ném xa bằng 1 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay. + Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc
05	- Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp.	+ Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hướng zícắc. + Bò, trườn theo hướng thẳng, zigắc + Bò chui qua cổng. + Trườn về phía trước Bước lên xuống bậc cao. + Bò, trườn chui dưới dây + Bật tại chỗ + Bật về phía trước + Bật xa 20-25cm
3. Thể hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt		
06	Trẻ thể hiện được các vận động. - Xoay tròn cổ tay. - Gập đan ngón tay vào nhau.	+ Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay.
07	- Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động.	+ Đan, tết. + Xếp chồng các hình khối khác nhau. + Xé, dán giấy. + Sử dụng kéo, bút + Tô vẽ nguệch ngoạc.

		+ Cài, cỏi cức.
B. Dinh dưỡng và sức khỏe		
1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe		
08	- Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh(thịt cá, trứng, sữa..)	+ Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc.
09	- Biết tên một số món ăn hàng ngày :Trứng rán, cá kho...	+ Nhận biết tên gọi của một số món ăn hàng ngày.
10	- Biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	+ Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. + Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng)
2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt		
11	- Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn .	+ Tập làm quen cách đánh răng, lau mặt. + Tập rửa tay bằng xà phòng. + Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.
12	- Sử dụng bát thìa cốc đúng cách.	+ Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách. +Tự cầm bát, thìa xúc ăn.
3. Có một số hành vi tốt và thói quen tốt trong sinh hoạt		
13	- Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước đã đun sôi	+ Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. + Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.
14	- Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở.	+ Chấp Nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, Mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. + Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu. + Nhận biết trang phục theo thời tiết. + Nhận biết một số biểu hiện khi ốm
4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh		
15	- Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm khi được nhắc nhở	+ Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.
16	- Biết tránh nơi nguy hiểm khi bị nhắc nhở	+ Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn.
17	- Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi bị nhắc nhở	+ Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.

LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI.		
1. Thể hiện ý thức về bản thân		
18	- Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	+ Tên, tuổi, giới tính.
19	- Nói được điều bé thích, không thích.	+ Nói được điều bé thích, không thích.
2. Thể hiện sự tự tin, tự lực		
20	- Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	+ Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu
21	- Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao.	+ Tự làm được một số việc đơn giản hàng ngày.
3. Nhận biết thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật hiện tượng xung quanh.		
22	- Nhận ra cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh..)	+ Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.
23	- Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	+ Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động.
24	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ	+ Kính yêu Bác Hồ.
25	- Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội, của quê hương đất nước.
4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội		
26	- Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	+ Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ) + Yêu mến bố mẹ, anh, chị, em ruột
27	- Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở.	+ Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn)
28	- Chú ý nghe khi cô, bạn nói	+ Nhận biết hành vi “ đúng” – “sai”, “tốt” – “sấu”
29	- Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm	+ Biết chờ đến lượt + Chơi hòa thuận với bạn.
5. Quan tâm đến môi trường		
30	- Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây	+ Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối + Giữ gìn vệ sinh môi trường
31	- Bỏ rác đúng nơi quy định	+ Tiết kiệm điện, nước
LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		
1. Nghe hiểu lời nói		
32	- Thực hiện được các yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.	+ Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.

33	- Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả...	+ Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng, gần gũi, quen thuộc
34	- Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	+ Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. + Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. + Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò, vè phù hợp với độ tuổi
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày		
35	- Nói rõ các tiếng.	+ Phát âm các tiếng của tiếng Việt + Kể lại sự việc theo trình tự.
36	- Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm	+ Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép
37	- Dùng được câu đơn, câu ghép.	+ Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào?. + Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng.
38	- Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân	+ Kể lại sự việc.
39	- Đọc thuộc bài thơ, đồng dao, ca dao...	+ Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.
40	- Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	+ Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe
41	- Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	+ Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.
42	- Sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa, ... trong giao tiếp.	+ Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.
43	- Nói đủ nghe, không nói lí nhí.	+ Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
3 Làm quen với việc đọc - viết		
44	- Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh.	+ Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. + Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện. + Giữ gìn sách.
45	- Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	+ “Đọc” truyện qua các tranh vẽ. + Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ
46	- Thích vẽ, ‘viết’ nguệch ngoạc.	+ Tiếp xúc với chữ, sách truyện. + Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt + Hướng viết cuat các nét chữ , đọc ngắt, nghỉ sau các dấu.
LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		

A. Khám phá khoa học		
1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng.		
47	- Quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	+ Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. + Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi.
48	- Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,... để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	+ Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.
49	- Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng.	+ Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày. + Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. + Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật, cây.
50	- Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	+ Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông.
51	- Trẻ biết phân loại các đối tượng theo dấu hiệu nổi bật.	+ Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc.
2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản.		
52	- Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng đơn giản khi được hỏi.	+ Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.
3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng về các cách khác nhau		
53	- Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	+ Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm
54	- Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình	+ Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.
B. Làm quen 1 số khái niệm sơ đẳng về toán.		
1. Nhận biết số đếm số lượng.		
55	- Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng	+ Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng
56	- Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5	+1 và nhiều.

57	- So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	+ So sánh số lượng trong phạm vi 5
58	- Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5	+ Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm.
59	Tách 1 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm	Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ
2. Sắp xếp theo quy tắc		
60	- Nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	+ Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi. + Xếp xen kẽ.
3. So sánh 2 đối tượng		
61	- So sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ : to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.	+ So sánh 2 đối tượng về kích thước
4. Nhận biết hình dạng		
62	- Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.	+ Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế.. + Sử dụng các hình hình học để ghép.
5 Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian		
63	- Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	+ Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.
C. Khám phá xã hội		
1. Nhận biết bản thân , gia đình, trường lớp mầm non , cộng đồng		
64	- Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	+ Tên, tuổi, giới tính, của bản thân.
65	- Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình. Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	+ Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. Địa chỉ gia đình.
66	- Nói được tên lớp, cô giáo, bạn , đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	+ Tên lớp mẫu giáo. Tên và công việc của cô giáo. + Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường
2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương.		
67	- Kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.	+ Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của các nghề phổ biến.

3. Nhận biết 1 số lễ hội và một số danh lam thắng cảnh.		
68	- Kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu...qua trò chuyện, tranh ảnh	+ Các ngày lễ và hoạt động nổi bật của những ngày lễ đó.
69	- Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.	+ Cờ tổ quốc, tên của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương.
LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MĨ		
1 Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật		
70	- Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	+ Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. và tác phẩm nghệ thuật.
71	- Chú ý nghe, thích được hát theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.	+ Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca).
72	- Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	+ Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi ngắm nhìn cảm nhận vẻ đẹp nổi bật của các tác phẩm tạo hình.
2 Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình.		
73	- Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	+ Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca). + Hát đúng giai điệu, lời ca của bài hát.
74	- Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	+ Vận động đơn giản theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. + Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.
75	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	+ Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.
76	- Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	+ Sử dụng các kĩ năng vẽ để tạo ra sản phẩm đơn giản.
77	- Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	+ Sử dụng các kĩ năng xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản
78	- Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	+ Sử dụng các kĩ năng nặn, để tạo ra sản phẩm đơn giản.
79	- Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	+ Sử dụng các kĩ năng xếp để tạo ra sản phẩm đơn giản.
80	- Nhận xét các sản phẩm tạo hình	+ Nhận xét sản phẩm tạo hình .

3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)		
81	- Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	+ Vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.
82	- Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	+ Trẻ tạo ra sản phẩm đơn giản theo ý thích của mình.
83	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.	+ Đặt tên cho sản phẩm của mình.

* **Lưu ý:** Khuyến khích tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, học thông qua chơi, phương pháp giáo dục tiên tiến...

Tích hợp/lồng ghép “*giáo dục dinh dưỡng kết hợp vận động nhằm phát triển thể chất cân đối cho trẻ em*” bảo đảm điều kiện, môi trường giáo dục, thời gian tổ chức các hoạt động cho trẻ ở ngoài trời và trong lớp theo chế độ sinh hoạt hằng ngày.

Lồng ghép, tích hợp, phát triển các nội dung giáo dục trong thực hiện Chương trình GDMN: giáo dục quyền con người, giáo dục giới; an toàn giao thông; tình cảm kỹ năng xã hội; kỹ năng bảo vệ bản thân; bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu trong thực hiện Chương trình GDMN.

Nơi nhận

- HT, PHT (chỉ đạo)
- TK, GV (thực hiện)
- Lưu HSCM

PHT

Nông Thị Thuý Chinh

HIỆU TRƯỞNG

Trịnh Thị Đan